

Bản án số: 75/2023/HS-ST
Ngày 19 - 12 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TD, TỈNH VĨNH PHÚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Hanh

Bà Trần Thị Kim Duyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Lăng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Ông Phan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TD xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 69/2023/TLST-HS ngày 22 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2023/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 12 năm 2023 đối với bị cáo:

Trần Doãn N, sinh ngày 18/12/1991; nơi cư trú: Tổ dân phố 6, thị trấn K, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Doãn Đ và bà Nguyễn Thị Minh P; Có vợ là Nguyễn Thị Hồng Nh và 02 con; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Anh Nguyễn Việt H, sinh năm 1996 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, thị trấn K, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

+ Anh Nguyễn Việt C, sinh năm 1991 (vắng mặt).

+ Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Đều địa chỉ: Tổ dân phố Đ, thị trấn K, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc.

+ Anh Phùng Gia C1, sinh năm 1994 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố Đ, thị trấn K, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc.

+ Anh Lê Anh C2, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố 3 T, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Trần Doãn N làm nghề lái xe taxi và chăn nuôi gà chọi. Lợi dụng vào sự quản lý lỏng lẻo của các cơ quan Nhà nước và chính quyền địa phương, Trần Doãn N đã nảy sinh ý định cho bạn bè vay tiền với mức lãi xuất cao để thu lợi bất chính. Khi có người vay tiền thì gặp N để thỏa thuận về số tiền vay, thời hạn vay, lãi xuất vay, không phải cầm cố tài sản gì. Sau khi thỏa thuận xong, N ghi chép thông tin về người vay, số tiền vay, ngày vay vào tập giấy A4 để theo dõi. Sau đó, N trừ tiền lãi của người vay theo thời hạn vay vào tiền gốc vay và giao số tiền gốc còn lại cho người vay. Đến thời hạn trả tiền gốc, nếu người vay chưa trả được tiền gốc thì N tiếp gia hạn thời hạn vay, khi này người vay phải trả cho N tiền lãi cho thời hạn vay tiếp theo.

Trong khoảng thời gian từ tháng 7/2020 đến tháng 8/2022, với hình thức cho vay tiền như trên, N đã cho tổng cộng 05 người vay tiền với mức lãi xuất trên 05 lần mức lãi xuất theo quy định của Bộ luật dân sự (20%/năm) để thu lợi bất chính; tổng số tiền thu lợi bất chính là: 49.829.386đ, cụ thể:

1. Ngày 07/7/2020, N cho anh Nguyễn Việt H, sinh năm 1996 ở tổ dân phố Đ, thị trấn K, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc vay số tiền 15.000.000đ, lãi suất vay thỏa thuận là 5000đ/1.000.000đ tiền vay/01 ngày vay (tương đương với mức lãi xuất 182,5%/năm), tiền lãi sẽ trả theo thời hạn là 10, 15 hoặc 30 ngày một lần tuy nhiên có thể trả sớm hoặc muộn hơn tùy thuộc điều kiện tài chính của H, H phải trả lãi trước cho từng kì hạn đến khi trả hết tiền gốc vay. Sau đó, N sử dụng tài khoản ngân hàng VietinBank của N, số tài khoản 1058.706.582.35 chuyển tiền đến tài khoản ngân hàng VietcomBank của H, số tài khoản 0361.000.356.592 để cho H vay. Khi chuyển khoản, N cắt luôn tiền lãi trong 10 ngày vay đầu tiên là 750.000đ và chỉ chuyển khoản cho H số tiền 14.250.000đ. Sau đó đến thời hạn trả lãi thì H sẽ sử dụng tài khoản của H để chuyển khoản tiền lãi đến tài khoản ngân hàng VietinBank của N hoặc đưa tiền mặt trực tiếp cho N. Từ khi vay đến ngày 16/01/2021 tương ứng 193 ngày, H đã thanh toán hết số tiền gốc vay cho N. N đã thu số tiền lãi của H là 15.000.000đ, trong đó số tiền lãi theo mức lãi xuất tối đa cho phép theo luật định 20%/năm là 1.586.301đ, thu lợi bất chính số tiền 13.413.699đ

2. Ngày 11/12/2020, N cho anh Nguyễn Việt C, sinh năm 1991 thường trú tại tổ dân phố Đ, thị trấn K, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc vay số tiền 6.000.000đ, lãi suất thỏa thuận là 5000đ/1.000.000đ tiền vay/01 ngày vay (tương đương với mức lãi xuất 182,5%/năm), tiền lãi sẽ trả theo thời hạn 30 ngày một lần, tuy nhiên có thể trả sớm hoặc muộn hơn tùy thuộc điều kiện tài chính của C, C phải trả lãi trước cho từng kỳ hạn đến khi trả hết tiền gốc vay. Sau đó, N sử dụng tài khoản ngân hàng VietinBank của N, số tài khoản 1058.706.582.35 để chuyển tiền đến tài khoản ngân hàng VietinBank, số tài khoản 1050.056.631.42 của C để cho C vay. Khi chuyển khoản, N đã cắt lãi trước tiền lãi của 30 ngày vay đầu tiên số tiền là 900.000đ và chỉ chuyển

khoản cho C số tiền 5.100.000đ. Đến thời hạn trả lãi thì C sẽ sử dụng tài khoản của C để chuyển tiền lãi đến tài khoản ngân hàng VietinBank của N. Từ khi vay đến ngày 21/5/2021 tương ứng 161 ngày, C đã thanh toán hết số tiền gốc vay cho N là 6.000.000đ bằng hình thức chuyển khoản. Tổng số tiền lãi N đã thu của C là 5.400.000đ, trong đó số tiền lãi theo mức lãi xuất tối đa cho phép theo luật định 20%/năm là 529.315đ, thu lợi bất chính số tiền là 4.870.685đ.

3. Ngày 13/02/2021, N cho anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1993 ở tổ dân phố Đ, thị trấn K, huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc vay số tiền 5.000.000đ, lãi suất thỏa thuận là 5000đ/1.000.000đ tiền vay/01 ngày vay (tương đương với mức lãi xuất 182,5%/năm), tiền lãi sẽ trả theo thời hạn 30 ngày một lần tuy nhiên có thể trả sớm hoặc muộn hơn tùy thuộc điều kiện tài chính của T, T phải trả lãi trước cho từng kỳ hạn đến khi trả hết tiền gốc vay. Sau đó, N sử dụng tài khoản ngân hàng VietinBank của N, số tài khoản 1058.706.582.35 để chuyển tiền đến tài khoản ngân hàng VietinBank của T, số tài khoản 0687.153.0502 để cho T vay. Khi chuyển khoản, N đã cắt lãi trước số tiền của 30 ngày vay đầu tiên là 750.000đ và chỉ chuyển khoản cho T số tiền 4.250.000đ. Đến thời hạn trả lãi thì T sẽ sử dụng tài khoản của T để chuyển khoản tiền lãi đến tài khoản ngân hàng VietinBank của N. Từ khi vay đến ngày 22/5/2021 tương ứng với 98 ngày, T chuyển khoản trả cho N số tiền gốc vay là 5.000.000đ. Tổng số tiền lãi N đã thu của T là 3.000.000đ, trong đó số tiền lãi theo mức lãi xuất tối đa cho phép theo luật định 20%/năm là 268.000đ, thu lợi bất chính số tiền là 2.732.000đ.

Ngày 25/5/2021, T tiếp tục vay N số tiền 5.000.000đ và cũng thống nhất thỏa thuận như lần vay trước. N cắt lãi luôn số tiền lãi cho 30 ngày vay đầu tiên là 750.000đ và chuyển khoản cho T số tiền 4.250.000đ. Sau đó hàng tháng T đóng tiền lãi cho N bằng cách chuyển khoản từ tài khoản ngân hàng VietinBank của T đến tài khoản ngân hàng MB của N, số tài khoản: 1369.688.688.888. Từ khi vay đến ngày 15/9/2021 tương ứng 113 ngày, T đã chuyển khoản cho N số tiền gốc vay là 5.000.000đ. Tổng số tiền lãi N đã thu của T là 3.000.000đ, trong đó số tiền lãi theo mức lãi xuất tối đa cho phép theo luật định 20%/năm là 309.600đ, thu lợi bất chính số tiền là 2.690.400đ.

Tổng số tiền lãi Trần Doãn N đã thu lợi bất chính từ việc cho T vay tiền trong cả 02 lần là 5.422.400đ.

4. Ngày 21/6/2021, N cho anh Phùng Gia C1, sinh năm 1994 ở tổ dân phố Đ, thị trấn K, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc vay số tiền 15.000.000đ, lãi suất thỏa thuận là 5000đ/1.000.000đ tiền vay/01 ngày vay (tương đương với mức lãi xuất 182,5%/năm), tiền lãi sẽ trả theo thời hạn 30 ngày một lần, tuy nhiên có thể trả sớm hoặc muộn hơn tùy thuộc điều kiện tài chính của C1, C1 phải trả lãi trước cho từng kỳ hạn đến khi trả hết tiền gốc vay. Sau đó, N sử dụng tài khoản ngân hàng MB của Nam, số tài khoản 1369.688.688.888 chuyển tiền đến tài khoản ngân hàng VietinBank, số tài khoản 1028.723.689.35 của C1 để cho C1 vay. Khi chuyển

khoản, N cắt lãi cho 30 ngày vay đầu tiên là 2.250.000đ và chỉ chuyển khoản cho C1 số tiền 12.750.000đ. Đến thời hạn trả lãi, C1 sẽ chuyển tiền lãi bằng hình thức Internet Banking qua ứng dụng ViettelPay liên kết tài khoản ngân hàng của C1 đến tài khoản ngân hàng MB của N nêu trên. C1 trả lãi cho N đều đặn nhưng có tháng xin giảm tiền lãi và có khi khoảng 03 tháng xin không đóng lãi vì khó khăn tài chính. Từ khi vay đến ngày 16/02/2022 tương ứng 240 ngày, C1 đã thanh toán hết số tiền gốc vay cho N là 15.000.000đ, trong đó 10.000.000đ bằng hình thức chuyển khoản, còn lại 5.000.000đ C1 đưa tiền mặt cho N. Tổng số tiền lãi N đã thu của C1 là 10.050.000đ, trong đó số tiền lãi theo mức lãi xuất tối đa cho phép theo luật định 20%/năm là 1.972.603đ, số tiền N đã thu lợi bất chính là 8.077.397đ.

Ngày 09/4/2022, N tiếp tục cho anh Phùng Gia C1 vay số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng), thỏa thuận vay như ở lần vay trước. N sử dụng tài khoản ngân hàng MB của N, số tài khoản: 1369.688.688.888 chuyển tiền đến tài khoản ngân hàng Vietcombank của C1, số tài khoản 1091.000.004.611 để cho C1 vay. Khi chuyển khoản, N cắt lãi của 30 ngày vay đầu tiên là 1.500.000đ và chuyển cho C1 số tiền 8.500.000đ. Đến thời hạn trả lãi, C1 sẽ sử dụng tài khoản ngân hàng VietinBank và Vietcombank của C1 chuyển khoản tiền lãi đến tài khoản ngân hàng MB của N nêu trên. Từ khi vay đến ngày 21/7/2022 (tương ứng 103 ngày), C1 đã thanh toán hết số tiền gốc vay cho N là 10.000.000đ bằng hình thức chuyển khoản. Tổng số tiền lãi N đã thu của C1 là 4.500.000đ, trong đó số tiền lãi theo mức lãi xuất tối đa cho phép theo luật định 20%/năm là 564.384đ, số tiền N đã thu lợi bất chính là 3.935.616đ.

Tổng số tiền N đã thu lợi bất chính của C1 vay tiền trong cả hai lần là: 12.013.013đ.

5. Ngày 25/8/2021, N cho anh Lê Anh C2, sinh năm 1982 ở tổ dân phố 3 T, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc vay số tiền 10.000.000đ, lãi suất thỏa thuận là 5000đ/1.000.000đ tiền vay/01 ngày vay (tương đương với mức lãi xuất 182,5%/năm), tiền lãi sẽ trả theo thời hạn 20, 30 ngày một lần, tuy nhiên có thể trả sớm hoặc muộn hơn tùy thuộc điều kiện tài chính của C2, C2 phải trả lãi trước cho từng kỳ hạn đến khi trả hết tiền gốc vay. N yêu cầu C2 nhắn tin SMS cho N với nội dung C2 vay của N số tiền 10.000.000đ từ ngày 25/8/2021 để đảm bảo. Sau đó, N sử dụng tài khoản ngân hàng VietinBank của N, số tài khoản 1058.706.582.35 để chuyển tiền đến tài khoản ngân hàng VietinBank của C2, số tài khoản 1058.701.476.91 để cho C2 vay tiền. Tuy nhiên đã cắt tiền lãi của 20 ngày vay đầu tiên là 1.000.000đ và chuyển cho C2 số tiền 9.000.000đ. Đến thời hạn trả lãi, C2 sử dụng tài khoản VietinBank của C2 nêu trên và số tài khoản ngân hàng MB của C2 số 0007.178.968.888 để chuyển khoản tiền lãi đến tài khoản ngân hàng VietinBank của N nêu trên và tài khoản ngân hàng MB của N, số tài khoản 1369.688.688.888. C2 trả lãi cho N đều, chủ yếu là chuyển khoản nhưng có lần thì đưa tiền mặt, có tháng thiếu, có tháng đủ, có tháng trả cao hơn để bù hoặc có tháng C2 xin N giảm

tiền lãi nên N đồng ý. Từ khi vay đến ngày 05/8/2022 (tương ứng 345 ngày), C2 đã thanh toán hết số tiền gốc vay cho N là 10.000.000đ bằng hình thức trả tiền mặt. Tổng số tiền lãi N đã thu của C2 là 16.000.000đ, trong đó số tiền lãi theo mức lãi xuất tối đa cho phép theo luật định 20%/năm là 1.890.411đ, số tiền N đã thu lợi bất chính là 14.109.589đ.

Ngày 28/6/2023, Công an thị trấn K, huyện TD báo cáo Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện TD về hoạt động cho vay lãi nặng của Trần Doãn N. Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện TD đã triệu tập Trần Doãn N để làm việc. Tại Cơ quan điều tra, Trần Doãn N đã tự nguyện khai báo về hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của mình và giao nộp 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 đã cũ; 01 tập giấy A4, có ghi các ký tự là chữ và số gồm 14 tờ, trong đó 05 tờ có ký tự, 09 tờ là giấy trắng; 02 bản sao kê tài khoản ngân hàng của Trần Doãn N.

Ngày 30/6/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện TD đã tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Trần Doãn N ở tổ dân phố 6, thị trấn K, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc: Không thu giữ đồ vật, tài liệu gì liên quan đến việc cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của Trần Doãn N.

Quá trình điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện TD đã yêu cầu ngân hàng TMCP Quân Đội, ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam sao kê các giao dịch chuyển tiền đi, chuyển tiền đến tài khoản ngân hàng của Trần Doãn N. Quá trình nghiên cứu các bản sao kê tài khoản ngân hàng của N phù hợp với tập giấy A4, bên trên có ghi các ký tự là chữ do N giao nộp, phù hợp với nội dung tin nhắn trong điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 đã thu giữ của N; thể hiện nội dung Trần Doãn N đã cho 05 người vay tiền với mức lãi xuất cao hơn mức lãi xuất theo quy định của Bộ luật dân sự để thu lợi bất chính như đã nêu trên.

Ngoài ra, qua kiểm tra các giao dịch trong bản sao kê tài khoản ngân hàng của Nam xác định, ngoài các giao dịch chuyển nhận tiền cho vay lãi, trả lãi với 05 người vay tiền như nêu trên, còn có một số giao dịch có dấu hiệu bất thường. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã làm việc với những người liên quan để tiến hành xác minh, cụ thể:

- Giao dịch với Nguyễn Thị Hồng Nh, sinh năm 1994, ở tổ dân phố 6, thị trấn K, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình điều tra xác định Nh là vợ của N. Nh và N đều khai nhận các giao dịch chuyển tiền giữa Nh và N là tiền làm ăn và sinh hoạt của hai vợ chồng, Nh không biết, không tham gia và không liên quan đến việc Nam cho người khác vay tiền với lãi suất cao. Do vậy Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

- Giao dịch với Nguyễn Chu D, sinh năm 1992, ở tổ dân phố Đ, thị trấn K, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc; Phí Văn X, sinh năm 1987, ở tổ dân phố Đ thị trấn Kim Long, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc; Thành Văn N, sinh năm 1991 ở tổ dân phố Phố M, thị trấn H, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc; Nguyễn Văn G, sinh năm 1984 ở tổ dân phố 6, thị trấn K, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình điều tra N khai nhận các giao dịch giữa N và những người trên là vay tiền để kinh doanh và tiêu sài cá nhân

không tính lãi. Anh D, X, N và G cũng đều khai nhận việc giao dịch với N là vay làm ăn kinh doanh và tiêu sài cá nhân không tính lãi. Do vậy Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

- Giao dịch với Vũ Trường G, sinh năm 1989, trú tại: thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. N khai nhận G là anh em chơi với N từ khoảng năm 2020, giao dịch ngày 06/01/2020, G chuyển tiền 5.000.000đ cho N với nội dung: “chuyen tien lo de” là giao dịch G chuyển tiền cho N để nhờ N mua gà chọi, không liên quan đến việc vi phạm pháp luật. Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T đã tiến hành triệu tập G lên để làm việc, tuy nhiên G vắng mặt tại địa phương, không xác định được G ở đâu. Vì vậy Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau.

- Giao dịch với Nguyễn Thế N, sinh năm 1986 ở tổ dân phố C, phường L, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc; Đoàn Thị T, sinh năm 1985, ở thôn D, xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc; Tạ Văn T, sinh năm 1977 ở tổ dân phố N, thị trấn K, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc; Nguyễn Đức C, sinh năm 1995 ở tổ dân phố Đ, thị trấn K, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc; Bùi Quang Đ, sinh năm 1987 ở tổ dân phố Đ, thị trấn K, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình điều tra, N khai nhận các giao dịch giữa N và những người trên là vay tiền để kinh doanh và tiêu sài cá nhân không tính lãi. Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện TD đã tiến hành xác minh nhưng hiện tại các đối tượng trên không có mặt tại địa phương. Do vậy, Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau.

Vật chứng vụ án: 01 tập giấy A4 bên trên có ghi các ký tự là chữ và số gồm 14 tờ, trong đó 05 tờ có ký tự, 09 tờ là giấy trắng và 02 bản sao kê tài khoản ngân hàng do Trần Doãn N giao nộp được đánh số bút lục; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 đã qua sử dụng thu của Trần Doãn N sử dụng để liên lạc với anh Lê Anh C2 cho vay tiền với lãi suất cao.

Tại Cáo trạng số 71/CT-VKSTD ngày 22/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Dương truy tố bị cáo Trần Doãn N về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Dương đề nghị giữ nguyên cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Doãn N phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”; áp dụng khoản 1 Điều 201, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Trần Doãn Nam từ 80.000.000đồng đến 100.000.000đồng.

Về xử lý vật chứng và các khoản tiền liên quan đến vụ án, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 46; khoản 1, 2 Điều 47; khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu bán phát mại nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 của Trần Doãn N sử dụng để liên lạc với anh Lê Anh C2 cho vay lãi nặng.

Truy thu nộp ngân sách nhà nước tổng số tiền 73.120.614đ của Trần Doãn N, trong đó tiền gốc N cho vay là 66.000.000đ và tiền lãi theo mức lãi xuất tối đa cho phép theo luật định (20%/năm) là: 7.120.614đ.

Buộc Trần Doãn N trả lại số tiền thu lời bất chính cho Nguyễn Việt H số tiền 13.413.699, Lê Anh C2 số tiền 14.109.589đ.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận. Bị cáo nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra - Công an huyện TD, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện TD, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt, nhưng trong quá trình điều tra, họ đã có lời khai đầy đủ, việc vắng mặt những người này không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án theo quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Trần Doãn N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện TD đã truy tố. Xét lời nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận:

Trong khoảng thời gian từ tháng 7/2020 đến tháng 8/2022, Trần Doãn N đã cho 05 người vay lãi nặng với lãi suất 5.000đ/1.000.000đ/01 ngày, tương đương với mức lãi xuất 182,5%/năm (*gấp 9,125 lần*), vượt quá 05 lần mức lãi xuất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự (20%/ 01 năm), để thu lợi bất chính. Tổng số tiền gốc Trần Doãn N đã sử dụng là: 66.000.000đ cho 05 người vay để thu về số tiền lãi là 56.950.000đ, trong đó số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Bộ luật Dân sự (20%/năm) là 7.120.614đ, thu lợi bất chính số tiền 49.829.386đ.

Hành vi nêu trên của Trần Doãn N đã phạm vào tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng ... thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm”

[3] Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, nhưng hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, xâm phạm trật tự công cộng, lợi ích của công dân, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội, vì vậy cần phải xử lý nghiêm trước pháp luật mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Xét nhân thân cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy rằng: Trước khi phạm tội, bị cáo là người có nhân thân tốt; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Quá trình điều tra, bị cáo đã trả lại số tiền thu lợi bất chính cho Phùng Gia C1, Nguyễn Việt C và Nguyễn Văn T. Do vậy, bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Sau khi xem xét nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy, chỉ cần áp dụng hình phạt tiền với mức phạt nhất định đối với bị cáo theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát cũng đủ để giáo dục bị cáo có ý thức chấp hành pháp luật.

[5] Về hình phạt bổ sung: Do hình phạt chính đối với bị cáo là phạt tiền, nên không áp dụng phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

[6] Đối với các giao dịch chuyển tiền giữa Trần Doãn N và Nguyễn Thị Hồng Nh, Nguyễn Chu D, Phí Văn X, Thành Văn N, Nguyễn Văn G. Quá trình điều tra xác định không liên quan đến hành vi cho vay lãi nặng của Trần Doãn N, nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với Vũ Trường G, ngày 06/01/2020 G chuyển tiền 5.000.000đ cho Trần Doãn N với nội dung: “chuyen tien lo de”. Theo Trần Doãn N đây là giao dịch Giang chuyển tiền cho N để nhờ N mua gà chơi, không liên quan đến việc vi phạm pháp luật. Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện TD đã tiến hành triệu tập G lên để làm việc, tuy nhiên G vắng mặt tại địa phương, không xác định được G ở đâu. Vì vậy Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau.

Đối với các giao dịch chuyển tiền giữa Trần Doãn N với Nguyễn Thế N, Đoàn Thị TTạ Văn T, Nguyễn Đức Ch, Bùi Quang Đ. Quá trình điều tra, Trần Doãn N khai nhận các giao dịch giữa N và những người trên là vay tiền để kinh doanh và tiêu sài cá nhân không tính lãi. Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện TD đã

tiến hành xác minh nhưng hiện tại các đối tượng trên không có mặt tại địa phương. Do vậy, Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau.

[7] Về xử lý vật chứng và các khoản tiền liên quan đến vụ án:

Đối với 01 tập giấy A4 bên trên có ghi các ký tự là chữ và số gồm 14 tờ, trong đó 05 tờ có ký tự, 09 tờ là giấy trắng và 02 bản sao kê tài khoản ngân hàng do Trần Doãn N giao nộp được đánh số bút lục, là tài liệu ghi nhận việc N cho vay lãi nặng, cần lưu trong hồ sơ vụ án.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 đã qua sử dụng được Trần Doãn N sử dụng để liên lạc với anh Lê Anh C2 cho vay tiền với lãi suất cao, cần tịch thu bán phát mại nộp ngân sách nhà nước.

Truy thu nộp ngân sách nhà nước tổng số tiền 73.120.614đ của Trần Doãn N, trong đó tiền gốc N cho vay là 66.000.000đ và tiền lãi theo mức lãi xuất tối đa cho phép theo luật định (20%/năm) là: 7.120.614đ.

Buộc Trần Doãn N trả lại số tiền thu lời bất chính cho Nguyễn Việt H số tiền 13.413.699; Lê Anh C2 số tiền 14.109.589đ.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Doãn N phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Áp dụng khoản 1 Điều 201, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 35 Bộ luật Hình sự, xử phạt Trần Doãn N 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng).

Về xử lý vật chứng và các khoản tiền liên quan đến vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 46; khoản 1, 2 Điều 47; khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Truy thu của Trần Doãn N số tiền 73.120.614đ, làm tròn là 73.121.000đ (Bảy mươi ba triệu, một trăm hai mươi một nghìn đồng) sung ngân sách nhà nước.

Tịch thu bán phát mại nộp ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 của Trần Doãn N.

Buộc Trần Doãn N phải trả cho anh Nguyễn Việt H số tiền 13.413.699đ, làm tròn là 13.414.000đ (Mười ba triệu, bốn trăm mười bốn nghìn đồng), trả cho anh Lê Anh C2 số tiền 14.109.589đ, làm tròn là 14.110.000đ (Mười bốn triệu, một trăm mười nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền trên thì còn phải chịu lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

(Vật chứng có đặc điểm như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 01/12/2023 giữa Công an huyện TD và Chi cục Thi hành án dân sự huyện TD)

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Trần Doãn N phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện TD;
- Chi cục THADS huyện TD;
- Công an huyện TD;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Bị cáo, những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS,VP, THAHS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Thu Hạnh